

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GT1+BK14+CTK3	7:25	6+1+15	0+0+0		5+2+15	0+0+0	
2		PPD+TD2+TTC3	7:25	16+6+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
3		PVD8+MRM+BK19	9:25	14+2+0	0+0+0		8+12+2	0+0+0	
4		BK16+PVD8	9:25	10+9	0+0		6+16	0+0	
5		CLO+CTK3	11:25	7+15	0+0		1+18	0+0	
6		MRM+BK15+TD3	11:25	8+3+3	0+0+0		10+0+11	0+0+0	chuyen 2 MRM-BK15
7		AMD+TTC1	13:25	16+6	0+0		12+10	0+0	
8		PPD+BK5+P5	13:25	15+2+3	0+0+0		15+1+4	0+0+0	

TTDDSSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ 1 người CTK3 về đi CLO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: GTC1 - BK14 - CTK3	CREW: DUONG - MTHAO - HIEU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4369	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN PHI KHAI HOAN	GTC1	83	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN HUNG	GTC1						76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN SON TUNG	GTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN TUYEN	GTC1						66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HUY DINH	GTC1	84-85	2	19			63	T-TIN	Vietnamese
6	LE QANG HA	GTC1	86	1	5			80	PSV	Vietnamese
7	BUI QUANG HOAN	BK14	37	1	5	3	45	101	YTE	Vietnamese
8	BOGDANOV EVGENII	CTK3	12	1	7			81	KH-THAC	Russian
9	TRINH QUOC HUY	CTK3	16	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
10	VU CONG KHANG	CTK3	11	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN DU	CTK3	04	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HONG ANH	CTK3	10	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	09	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BAC HA	CTK3	13-14	2	12			62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUOC KHIEM	CTK3	05	1	2			91	KH-THAC	Vietnamese
16	DO HUU DUC	CTK3	02	1	12			92	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH CHUNG	CTK3						74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO QUANG THANG	CTK3	06	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
19	PHUNG DINH HAI	CTK3	03	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
20	TRUONG MANH PHI	CTK3	07-08	2	9			81	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐAM VAN THANH	CTK3	17	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN ĐOAN TUAN MINH	CTK3	15	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	6	429	4	29	0	0	5		
2	BK14	1	101	1	5	3	45	2		
3	CTK3	15	1.123	16	85	0	0	15		01 ĐIỀU PHẢI: PHẠM HỮU TÙNG THAY CẢ NGỒI GHÉ PHỤ
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.653</b>	<b>21</b>	<b>119</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.653</b>		<b>119</b>		<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - TD2 - TTC3	CREW: KHOAN - HTRUNG - VU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4373	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CHU QUYNH AN	PPD	02	1	8			105	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG DAI THANG	PPD	17	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
3	VU CHI KIEN	PPD						78	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI HUU HUAN	PPD	20	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ HỒ HAI	PPD	18-19	2	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VIET ANH	PPD	06	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN THANH CONG	PPD	01	1	7			71	KHI	Vietnamese
8	CAO MINH CHIEU	PPD	09	1	9			74	KHI	Vietnamese
9	LE VU TRUNG	PPD	07-08	2	17			86	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	12	1	2			57	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN HOAI BAO	PPD	04-05	2	12			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC HIEU	PPD	03	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MINH KHOI	PPD	11	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
14	TO QUOC THINH	PPD	13-14	2	13			57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN ANH	PPD	15-16	2	13			74	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG XUAN HAI	PPD	10	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TINH	TD2	89	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN DUY ĐỨC	TD2	88	1	14			83	KHOAN	Vietnamese
19	LE HAI NGAN	TD2	87	1	11	1	15	58	KHOAN	Vietnamese
20	BUI THAI QUI	TD2	90	1	11			78	KHOAN	Vietnamese
21	LAM HUU TUNG	TD2	84-85	2	14			61	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN ĐỨC VƯỢNG	TD2	86	1	13			67	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	16	1.149	20	135	0	0	14		
2	TD2	6	426	7	74	1	15	4		
3	TTC3	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.575</b>	<b>27</b>	<b>209</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.575</b>		<b>209</b>		<b>15</b>			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: <del>XXXX-2</del> CAM	TO: PVD8 - MRM - BK19	CREW: DUONG - MTHAO - HIEU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4370	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN THOI	PVD8	77	1	12			66	KHOAN	Vietnamese
2	PRESLEY BOSKA	PVD8	64-65	2	15			101	PVD DD	Australian
3	DO VAN HOP	PVD8	72	1	5			71	PVD DD	Vietnamese
4	DOAN VAN CUONG	PVD8	76	1	8			63	PVD DD	Vietnamese
5	LE TAN SON	PVD8	73-74	2	10			62	PVDO	Vietnamese
6	LE QUYET THANG	PVD8	71	1	10			72	PVDO	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DAI	PVD8	70	1	9			60	PVDO	Vietnamese
8	LE VAN PHUONG	PVD8	69	1	5			70	PVDO	Vietnamese
9	DOAN VAN TRUONG	PVD8	75	1	7			69	PVDO	Vietnamese
10	PHAM MINH THANG	PVD8	63	1	7			71	PVDO	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHUONG	PVD8	62	1	9			65	PVDO	Vietnamese
12	LE TAN TINH	PVD8	61	1	6			65	PVDO	Vietnamese
13	HOANG VAN MINH	PVD8	66-67	2	9			68	PVDO	Vietnamese
14	BUI QUOC THINH	PVD8	68	1	9			57	PVDO	Vietnamese
15	LE TUNG PHONG	PVD8	78	1	11			62	PVDWS	Vietnamese
16	HOANG TUNG	PVD8	79	1	5			65	PVDWS	Vietnamese
17	SHPILEVOI KIRILL	MRM	05	1	7	1	15	84	AMNGR	Russian
18	MURAVEV OLEG	MRM	01-02	2	10	1	15	95	AMNGR	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	16	1.087	19	137	0	0	8		
2	MRM	2	179	3	17	2	30	12		
3	BK19	0	0	0	0	1	18	2		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.266</b>	<b>22</b>	<b>154</b>	<b>3</b>	<b>48</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.266</b>		<b>154</b>		<b>48</b>			

GRAND TOAL: 1.468 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HONG HA

CREW

BUI HOANG DUONG

MAI VAN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: BK16 - PVD8	CREW: XHOÀN - HTRUNG - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4374	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG NGOC TUNG	BK16	92	1	8	3	50	66	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAO KIM CUONG	BK16	93	1	2			57	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THĂNG	BK16	90	1	2			77	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU ĐỨC TUAN	BK16	91	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH HAI (17773)	BK16	94	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG PHÚC	BK16	97-98	2	19			88	CODIEN	Vietnamese
7	LƯƠNG MINH HIỆP	BK16	88-89	2	22			96	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH KIỆT	BK16	87	1	14			73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGHIÊM TRINH NHẬT	BK16	85-86	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN THỊNH	BK16	95-96	2	12			62	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HOANG QUÂN	PVD8	07	1	3			55	PVDO	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC THANH DAN	PVD8	08,66	2	18			74	HALLIBUR	Vietnamese
13	DIỆP PHÚ THÀNH	PVD8	04-05	2	15			76	PVD LOGG	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THĂNG	PVD8	02	1	7			75	PSV	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH THIN	PVD8	01	1	6			67	PSV	Vietnamese
16	TRẦN CAO MONG	PVD8	67	1	8			58	PSV	Vietnamese
17	LUU PHÚC DŨ	PVD8	03	1	4			82	PSV	Vietnamese
18	LŨ QUỐC KHANG	PVD8	68-69	2	10			60	INTL.SOS	Vietnamese
19	ĐỖ ĐỨC NGỌC	PVD8	06	1	9			71	PVDWS	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	10	737	14	111	3	50	6		
2	PVD8	9	618	12	80	0	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.355</b>	<b>26</b>	<b>191</b>	<b>3</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.355</b>		<b>191</b>		<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: CLO - CTK3	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4371	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM CONG DUY	CLO	14	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
2	LUYEN VAN THIEU	CLO	08	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI CONG THANH	CLO	06-07	2	14	2	36	80	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN QUANG	CLO	12-13	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN HONG QUAN	CLO	11	1	11	3	40	88	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TUAN	CLO	09-10	2	17			52	XAYLAP	Vietnamese
7	DO NHAT QUI	CLO	05	1	8	2	17	67	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM HONG SON (10908)	CTK3	31-32	2	20			65	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN CONG	CTK3	26	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HOANG	CTK3	34-35	2	9			77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	30	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	27	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC TUAN	CTK3	19	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
14	DO VAN BINH	CTK3	24	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VAN HUY	CTK3	23	1	14			68	TTAT	Vietnamese
16	NGUYEN HOAI VU	CTK3	18	1	4			64	D-HANH	Vietnamese
17	ELTUKOV ALEKSEI	CTK3	28	1	3			87	D-HANH	Russian
18	LE CANH HUNG	CTK3	21-22	2	7	1	4	63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	20	1	10			57	KH-THAC	Vietnamese
20	MORDIASHOV SEMEM	CTK3	29	1	5			72	KH-THAC	Russian
21	NGUYEN CONG HIEU	CTK3	33	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG THANH TRUNG	CTK3	25	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	7	508	10	81	7	93	1		
2	CTK3	15	1.061	18	119	1	4	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.569</b>	<b>28</b>	<b>200</b>	<b>8</b>	<b>97</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.569</b>		<b>200</b>		<b>97</b>			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUÝ HÙNG   
 NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO:MRM - BK15 - TD3	CREW: LINH - NPHU - HUY	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4375	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	RAKHMANOV SERGEI	MRM	23-24	2	12	4	35	67	AMNGR	Russian
2	NGUYEN DINH HUYNH	MRM	25	1	5			92	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM HUY HUNG	MRM	30	1	5			71	AMNGR	Vietnamese
4	TRAN NAM SON	MRM	32	1	4			63	AMNGR	Vietnamese
5	PHAM TRAN ANH TUAN	MRM	31	1	7			70	AMNGR	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THANG	MRM	26	1	13	1	10	76	PVDWS	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHUC	MRM	28	1	7	2	15	79	AMNGR	Vietnamese
8	LUU HOANG	MRM	29	1	12			56	AMNGR	Vietnamese
9	NGUYEN NAM HOANG	BK15	64	1	16			53	CODIEN	Vietnamese
10	PHAN VAN HIEU	BK15	62-63	2	20			59	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC TUNG	BK15	65	1	7			74	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CAO	TD3	85	1	16	3	50	62	CODIEN	Vietnamese
13	TRINH NGOC TU	TD3	84	1	9			73	CODIEN	Vietnamese
14	TRAN DUONG	TD3	86	1	12	2	18	65	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	8	574	9	65	7	60	10	72	CHUYEN 2-PAX MRM-BK15
2	BK15	3	186	4	43	0	0	0		
3	TD3	3	200	3	37	5	68	11		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>960</b>	<b>16</b>	<b>145</b>	<b>12</b>	<b>128</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>960</b>		<b>145</b>		<b>128</b>			

GRAND TOAL: 1.233 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN QUANG THINH

CREW

NGO VAN LINH  
DAO NGOC PHU





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: HONG-4	TO: AMD - TTC1	CREW: HUNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4372	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX.WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN LÊ HÒA	AMD	38-39	2	12			60	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ TRUNG KIÊN	AMD	36	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	27	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	31	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	28	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	33	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
7	TUÔNG ANH CẠC	AMD	40	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THẾ LONG	AMD	35	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	41	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	37	1	9	5	95	63	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TRUNG KIÊN	AMD	25	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	32	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	26	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ THẾ THANH	AMD	29	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	34	1	5			53	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VŨ DUYÊN	AMD	30	1	7			69	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN BÁ PHÁT	TTC1	17-18	2	10			68	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN THẮNG	TTC1	15-16	2	14			65	XAYLAP	Vietnamese
19	PHƯƠNG THẾ TRUNG	TTC1	08	1	11			75	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH PHỤNG	TTC1	09-10	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VĂN SANG	TTC1	13	1	10	1	15	66	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ CÔNG THỜI	TTC1	11	1	6	1	17	59	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	16	1.023	17	116	5	95	12		
2	TTC1	6	410	9	71	2	32	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.433</b>	<b>26</b>	<b>187</b>	<b>7</b>	<b>127</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.433</b>		<b>187</b>		<b>127</b>			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

LÊ QUÝ HƯNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
B.CARD: TIM-4	TO: PPD - BK5 - P5	CREW: LINH - NPHÚ - HUY	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4376	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN MẠNH THĂNG	PPD	22-23	2	17			58	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG VĂN TĂNG	PPD	25	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH HOÀ	PPD	26	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC TÒN	PPD	21	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH KIM	PPD	36	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	32	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	33	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGỌC DŨNG	PPD	28	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHANH HÙNG	PPD	35	1	10			76	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ HUY BÁC	PPD	31	1	11			71	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	PPD	34	1	15			69	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG TRUNG	PPD	29-30	2	18			81	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HO	PPD	37	1	10			65	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY BAI	PPD	24	1	11			81	CODIEN	Vietnamese
15	TRỊNH VĂN THUY	PPD	27	1	6			66	CODIEN	Vietnamese
16	DƯƠNG HOANG SƠN	BK5	600,01	2	16	1	16	70	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ MẠNH THĂNG	BK5	02-03	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẠU CAO QUYẾT	P5	61-62	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGÔ ĐỨC THUẬN	P5	64-65	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN PHÚC	P5	63	1	8			77	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	15	1.014	17	132	0	0	15		
2	BK5	2	131	4	36	1	16	1		
3	P5	3	202	5	47	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.347</b>	<b>26</b>	<b>215</b>	<b>1</b>	<b>16</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.347</b>		<b>215</b>		<b>16</b>			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH  
ĐÀO NGỌC PHÚ

